

Phụ lục 01

BỘI CHI VÀ PHƯƠNG ÁN VAY - TRẢ NỢ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021

(Kèm theo Tờ trình số 634/TTr-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

Đvt: Triệu đồng.

Stt	Nội dung	Thực hiện năm 2020	Dự toán điều chỉnh năm 2021	So sánh
A	B	1	2	3=2-1
A	THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	6.348.556	6.023.800	-324.756
B	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	14.231.154	12.916.030	-1.315.124
C	BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG /BỘI THU NSDP	122.400	44.316	-78.084
1	Bội chi	122.400	44.316	-78.084
2	Bội thu			
D	HẠN MỨC DƯ NỢ VAY TỐI ĐA CỦA NSDP THEO QUY ĐỊNH	1.269.711	1.204.760	-64.951
E	KẾ HOẠCH VAY, TRẢ NỢ GỐC			
I	Tổng dư nợ đầu năm	277.430	212.622	-64.808
	Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của NSDP (%)	23,86%	17,65%	-6,21%
1	Trái phiếu chính quyền địa phương			
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	16.799	90.830	74.031
3	Vay trong nước khác	260.631	121.792	-138.839
II	Trả nợ gốc vay trong năm	138.839	88.100	-50.739
1	Theo nguồn vốn vay	138.839	88.100	-50.739
-	Trái phiếu chính quyền địa phương			
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước		8.100	8.100
-	Vốn khác	138.839	80.000	-58.839
2	Theo nguồn trả nợ	138.839	88.100	-50.739
-	Từ nguồn vay để trả nợ gốc			
-	Bội thu ngân sách địa phương			0
-	Tăng thu, tiết kiệm chi			
-	Kết dư ngân sách cấp tỉnh			
-	Ngân sách địa phương	138.839	88.100	-50.739
III	Tổng mức vay trong năm	74.031	44.316	-29.715
1	Theo mục đích vay	74.031	44.316	-29.715
-	Vay để bù đắp bội chi	74.031	44.316	-29.715
-	Vay để trả nợ gốc			
2	Theo nguồn vay	74.031	44.316	-29.715
-	Trái phiếu chính quyền địa phương			
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	74.031	44.316	-29.715
-	Vay trong nước khác			
IV	Tổng dư nợ cuối năm	212.622	168.838	-43.784
	Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của NSDP (%)	16,75%	14,01%	-2,73%
1	Trái phiếu chính quyền địa phương			
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	90.830	127.046	36.216
3	Vốn khác	121.792	41.792	-80.000
G	TRẢ NỢ LÃI, PHÍ	7.600	15.400	7.800
1	Trái phiếu chính quyền địa phương			
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	6.849	15.400	8.551
3	Vay trong nước (Vay Ngân hàng phát triển Việt Nam)			